TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 – 3 - 2022
V/v "Tranh chấp Ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Giang và ông Hoàng Văn Luyện

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Phú, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện P, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện P, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện P, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST- HNGĐ ngày 28/02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Triệu Ngọc H, sinh năm 1987

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Khu 7, xã P, Huyện P, tỉnh Phú Thọ.

(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Triệu Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, Huyện P, tỉnh Phú Thọ ngày 01/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn tình cảm, không hợp nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay và không còn quan hệ về mặt tình cảm. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Anh Triệu Ngọc H xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Triệu Minh C, sinh ngày 03/5/2011; Cháu Triệu Thị Kim N, sinh ngày 20/9/2013. Hiện nay, hai cháu Triệu Minh C, cháu Triệu Thị Kim N đang ở cùng chị N tại khu 6, xã P, Huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Khi ly hôn anh H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Triệu Minh C, sinh ngày 03/5/2011; và chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Triệu Thị Kim N, sinh ngày 20/9/2013 cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh H đề nghị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai. Nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt anh H đề nghị cấp dưỡng nuôi cháu N cùng chị N mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng)/ 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N thành niên.

- Về tài sản chung, về nợ, về công sức đóng góp: Anh Triệu Ngọc H không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh H tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như anh H trình bày là đúng. Chị cũng xác nhận vợ chồng chị thường xuyên có mâu thuẫn cãi vã. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng nhất trí thuận tình ly hôn với anh H.

- Về con chung: Anh Triệu Ngọc H xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Triệu Minh C, sinh ngày 03/5/2011; Cháu Triệu Thị Kim N, sinh ngày 20/9/2013. Hiện nay, hai cháu Triệu Minh C, cháu Triệu Thị Kim N đang ở cùng chị N tại khu 6, xã P, Huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi hai con chung là cháu Triệu Minh C, sinh ngày 03/5/2011; Cháu Triệu Thị Kim N, sinh ngày 20/9/2013. Hiện nay, hai cháu Triệu Minh C, cháu Triệu Thị Kim N đang ở cùng chị N tại khu 6, xã P, Huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/ tháng /01 cháu. Hai cháu tổng cộng là 2.000.000 đồng /tháng kể từ tháng 02/2022 đến khi con chung thành niên lao động tự túc được.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 81, 82, 83 luật hôn nhân gia đình 2014; Điều 147; điểm b, Khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Triệu Ngọc H và chị Nguyễn Thị N.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Triệu Minh C, sinh ngày 03/5/2011 cho anh Triệu Ngọc H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Triệu Thị Kim N, sinh ngày 20/9/2013 chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được.

Anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu N cùng chị N mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng)/01 (một) tháng, cho đến khi cháu N thành niên, lao động tự túc được.

Chị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu C cùng anh H, do anh H tự nguyện không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn là anh Triệu Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại khu 6, xã P, Huyện P, tỉnh Phú Thọ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện P là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về việc tham gia tố tụng của chị Nguyễn Thị N tại phiên tòa: Chị N hiện nay vẫn cư trú tại địa phương. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị N nhưng tại phiên tòa chị N vắng mặt không lý do chính đáng nên tòa án quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án đã giao quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho chị N nhưng tại phiên tòa chị N vẫn vắng mặt không lý do chính đáng nên tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Ngọc H và chị Nguyễn Thị N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, Huyện P,

tỉnh Phú Thọ nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh H và chị N đều trình bày vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Tại phiên hòa giải anh H và chị N đều thống nhất là thuận tình ly hôn. Do đó, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị N là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Anh H và chị N đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Triệu Minh C, sinh ngày 03/5/2011; Cháu Triệu Thị Kim N, sinh ngày 20/9/2013. Hiện nay, hai cháu Triệu Minh C, cháu Triệu Thị Kim N đang ở cùng chị N tại khu 6, xã P, Huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Hiện nay, hai cháu Triệu Minh C, cháu Triệu Thị Kim N đang ở cùng chị N tại khu 6, xã P, Huyện P, tỉnh Phú Thọ. Chị N và anh H hiện nay đang sống cùng bố mẹ đẻ của mình. Tại bản tự khai của hai cháu C và N đều có nguyện vọng được ở với chị N. Tuy nhiên, chị N không cung cấp được thu nhập bình quân hàng tháng của mình để chứng minh chị có đủ diều kiện nuôi hai con và không có lý do chính đáng về việc không cung cấp được này dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định yêu cầu cung cấp bảng lương này. Anh H cung cấp cho Tòa án thu nhập bình quân hàng tháng của anh là 11.630.000đ (Mười một triệu sáu trăm ba mươi nghìn). Nguyện vọng xin được nuôi con của anh H và chị N đều là chính đáng. Việc giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng ngoài xem xét nguyện vọng của con từ trên bảy tuổi còn phải căn cứ về quyền lợi về mọi mặt của con. Như vậy, việc giao cả hai con cho chị N nuôi dưỡng không thể đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu C và cháu N, do chị N không chứng minh thu nhập để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng hai con chung. Việc giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là phù hợp. Cháu C là con trai và cháu N là con gái nên việc giao cháu C cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự giáo dục, hiểu biết về tâm sinh lý của các cháu sau này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không đề nghị chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H, anh vẫn đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N cùng chị N hàng tháng, mỗi tháng là 700.000 đồng/01 tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N thành niên. Chị N yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/ tháng /01 cháu. Hai cháu tổng cộng là 2.000.000 đồng /tháng kể từ tháng 02/2022 đến khi con chung thành niên lao động tự túc được. Tuy nhiên anh H được giao trực tiếp nuôi cháu C và chị N được giao trực tiếp nuôi cháu N nên cần chấp nhận đề nghị của anh H sẽ cấp dưỡng nuôi cháu N cùng chị N mỗi tháng là 700.000 đồng/01 tháng và anh H không đề nghị chị N phải cấp dưỡng nuôi cháu C cùng anh là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung, về vay nợ chung, về công sức đóng góp: Anh H chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc. Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Triệu Ngọc H và chị Nguyễn Thị N

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Triệu Minh C, sinh ngày 03/5/2011 cho anh Triệu Ngọc H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Triệu Thị Kim N, sinh ngày 20/9/2013 chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được.

Anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu N cùng chị N mỗi tháng là 700.000 đồng/01 tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được.

Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu C cùng anh H, do anh H tự nguyện không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Triệu Ngọc H phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận anh H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí của Tòa án số AA/2020/0001246 ngày 25/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện P, tỉnh Phú Thọ. Anh Triệu Ngọc H còn phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Cơ quan THADS huyện;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- UBND xã Tiên Du;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án..

Nguyễn Thanh Tùng